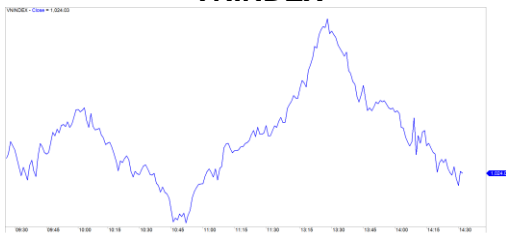


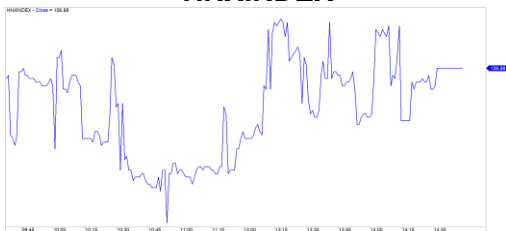
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,024.03	106.88	56.83
% ngày	-0.09%	0.12%	0.41%
% tuần	2.52%	1.61%	1.07%
% tháng	4.16%	3.04%	-0.04%
% năm	11.05%	2.57%	10.20%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,040	288	443
TB 1 tuần	4,635	371	291
TB 1 tháng	3,934	404	235
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	645.55	11.90	38.14
Bán	512.13	26.03	42.91
Giá trị ròng	133.42	-14.13	-4.76
Độ rộng TT			
Mã Tăng	127	53	184
Mã Giảm	157	71	92
Không Đổi	104	246	627
Chỉ số chính			
P/E	16.71	9.32	17.91
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,503	192	987
LS Cổ tức	1.42%	4.57%	5.13%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường đi ngang trong biên độ hẹp. VN-Index chốt phiên tại 1024.03 điểm giảm nhẹ 0.09%. Chỉ số HNX-Index tăng nhẹ 0.13% dừng tại 106.88 điểm. Chỉ số Upcom-Index tăng mạnh 0.42% chốt tại 56.83 điểm. Dòng tiền tiếp tục suy yếu với giá trị giao dịch khớp lệnh chỉ đạt hơn 3,800 tỷ đồng trên toàn thị trường

Nhóm cổ phiếu họ Vingroup có dấu hiệu chững lại đà tăng khi VHM cuối phiên chỉ còn tăng nhẹ trên tham chiếu mặc dù trong phiên tăng mạnh hơn 2.9%. Tâm điểm hôm nay phải kể đến HPG khi tăng 3.2% với thanh khoản hơn 13 triệu cp mức cao nhất kể từ cuối tháng T3.2019. Ngoài ra, REE(+1.6%), SSI(+1.6%), BID(+1.9%), MSN(+0.7%), MWG(+0.6%), GAS(+0.3%) giúp VN30-Index vẫn giữ được ở vùng giá xanh. Ở phía giảm chỉ BVH, NVL giảm trên 1% còn lại giảm không đáng kể.

HCM tăng 2.2% sau khi tích lũy ngắn trên ngưỡng 24,500 hiện đóng cửa tại 25,300 đồng.

Khối ngoại mua ròng mạnh với giá trị 114 tỷ đồng trên cả ba sàn. VRE, VHM dẫn đầu danh sách mua ròng với giá trị 62.9 tỷ và 62.5 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, VNM bị bán ròng mạnh nhất với 63.8 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ còn điều chỉnh trong đầu phiên tới và vùng hỗ trợ cho nhịp điều chỉnh này là 1,010 – 1,015 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, dòng tiền chủ yếu tập trung ở nhóm Largecaps cho thấy dòng tiền ngắn hạn vẫn chưa rút khỏi thị trường mà lại có sự dịch chuyển giữa các nhóm cổ phiếu và giúp thị trường tránh các nhịp điều chỉnh mạnh. Ngoài ra, thị trường vẫn đang biến động mạnh và tỷ trọng cổ phiếu tăng mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức hỗ trợ ở mức 1013.26 điểm của chỉ số VN-Index và 104.75 của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và nên chú ý vào nhóm cổ phiếu Largecaps.

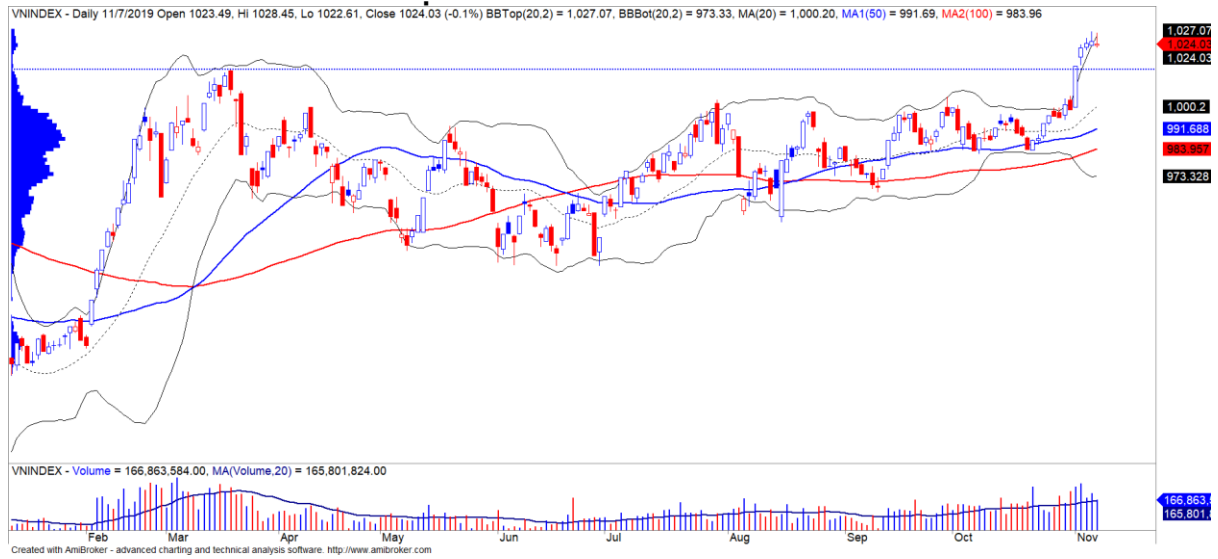
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 52.5% cổ phiếu/47.5% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.80	TĂNG	GIẢM	15.65	15.26	0.96%			16.59		
ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.92	1.23%		24.00	21.78	2.50%	
ACV	77.90	TĂNG	GIẢM	75.80	77.56	2.77%			83.54		
BID	41.60	TĂNG	TĂNG	40.80	39.57	1.96%		33.40	37.21	24.55%	
BMP	53.40	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.09%		48.30	48.32	10.56%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.44	0.00%			10.51		
BVH	74.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.80	0.14%			76.84		
CMG	39.00	TĂNG	TĂNG	38.90	37.08	0.26%		23.20	34.96	68.10%	
CTG	22.25	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	4.46%		22.00	19.85	1.14%	
CTR	49.80	TĂNG	N/A	46.50	47.38	7.10%		-	N/A		
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%	
DGC	27.20	TĂNG	GIẢM	27.20	26.59	0.00%	MUA		28.96		
DGW	25.95	TĂNG	TĂNG	24.60	25.26	5.49%		23.50	23.07	10.43%	
DHA	31.70	TĂNG	GIẢM	31.85	29.30	-0.47%			34.57		
DHC	37.60	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	13.94%		37.70	35.33	-0.27%	MUA
DHG	93.00	TĂNG	GIẢM	93.50	91.02	-0.53%			99.56		
DPG	47.50	TĂNG	GIẢM	46.60	43.73	1.93%			50.61		
DPR	37.35	TĂNG	GIẢM	37.60	36.46	-0.66%			40.40		
EIB	18.40	TĂNG	TĂNG	17.40	16.12	5.75%			17.85		
FPT	59.50	TĂNG	TĂNG	58.20	57.91	2.23%		46.00	52.88	29.35%	
GAS	106.10	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	1.53%			109.55		
GEX	20.95	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.56%		20.20	20.77	3.71%	
GMD	25.50	TĂNG	GIẢM	25.87	25.03	-1.44%		28.50	26.02	-8.70%	
GTN	21.35	TĂNG	TĂNG	20.00	20.76	6.75%		15.00	18.39	42.33%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%			N/A		
HCM	25.30	TĂNG	TĂNG	23.90	23.53	5.86%		23.40	21.08	8.12%	
HDB	29.15	TĂNG	TĂNG	26.30	28.52	10.84%		28.00	26.40	4.11%	
HPG	22.70	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	2.25%			23.82		
HSG	7.40	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	2.92%			7.42		
HT1	16.40	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	-0.91%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	36.20	TĂNG	GIẢM	36.50	34.99	-0.82%			36.93		
KDH	27.20	TĂNG	TĂNG	25.80	26.00	5.43%		24.00	23.87	13.33%	
LHG	15.60	TĂNG	GIẢM	15.60	15.44	0.00%	MUA		17.63		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	0.00%			8.13		

We Create Fortune

MBB	23.50	TĂNG	TĂNG	23.55	22.88	-0.21%		21.85	21.72	7.55%	
MSN	76.50	TĂNG	GIẢM	76.50	76.49	0.00%	MUA		81.47		
MWG	125.30	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.73%		88.70	114.74	41.26%	
NKG	6.30	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	7.88%			6.45		
NLG	28.50	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-0.35%		28.70	26.73	-0.70%	
NTL	22.95	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	0.22%			25.17		
PLX	58.90	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	-0.67%			61.98		
PNJ	85.20	TĂNG	TĂNG	81.90	82.76	4.03%		104.00	78.69	-18.08%	
POW	13.60	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	5.43%			13.98		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	16.82	0.00%		18.30	16.28	-5.46%	
PPC	25.90	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-1.15%			28.36		
PTB	74.90	TĂNG	TĂNG	69.70	72.77	7.46%		64.00	68.01	17.03%	
PVD	16.75	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-1.18%		18.10	15.96	-7.46%	
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.92%			36.38		
PVS	19.10	TĂNG	GIẢM	19.30	18.41	-1.04%			20.75		
PXS	5.90	TĂNG	TĂNG	4.76	5.12	23.95%			5.20		
QNS	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%		33.80	27.80	-14.20%	
REE	38.50	TĂNG	TĂNG	37.95	36.70	1.45%		33.33	35.23	15.53%	
SAB	260.00	TĂNG	GIẢM	260.00	252.75	0.00%			270.96		
SAM	8.10	TĂNG	TĂNG	7.99	7.98	1.38%		7.40	7.47	9.46%	
SJS	15.30	TĂNG	GIẢM	15.30	14.13	0.00%		-	17.16		
SSI	22.05	TĂNG	GIẢM	21.75	21.12	1.38%			22.27		
TCB	24.80	TĂNG	TĂNG	22.65	24.03	9.49%		22.65	22.18	9.49%	
TLH	3.98	TĂNG	GIẢM	4.06	3.65	-1.97%			4.75		
VCB	91.30	TĂNG	TĂNG	80.00	88.27	14.13%		62.00	79.18	47.26%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.50	0.37%		19.20	24.59	41.15%	
VHC	79.70	TĂNG	GIẢM	81.30	79.15	-1.97%			87.01		
VHM	99.50	TĂNG	TĂNG	88.80	95.10	12.05%		90.20	81.06	10.31%	
VIC	120.80	TĂNG	TĂNG	119.60	118.76	1.00%		112.00	113.76	7.86%	
VIP	5.02	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.52%			5.40		
VJC	143.20	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.73%		124.50	134.37	15.02%	
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.02	0.00%	MUA		14.93		
VNG	22.35	TĂNG	TĂNG	19.10	22.14	17.02%		20.20	20.93	10.64%	
VPB	22.00	TĂNG	TĂNG	22.25	21.52	-1.12%		20.30	20.56	8.37%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%	
VRC	17.40	TĂNG	TĂNG	16.05	16.64	8.41%			16.26		
VRE	35.20	TĂNG	TĂNG	32.70	34.15	7.65%		35.05	34.98	0.43%	MUA
AAA	15.80	TĂNG	GIẢM	15.65	15.26	0.96%			16.59		
ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.92	1.23%		24.00	21.78	2.50%	



We Create Fortune

ACV	77.90	TĂNG	GIẢM	75.80	77.56	2.77%			83.54		
BID	41.60	TĂNG	TĂNG	40.80	39.57	1.96%		33.40	37.21	24.55%	
BMP	53.40	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.09%		48.30	48.32	10.56%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.44	0.00%			10.51		
BVH	74.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.80	0.14%			76.84		
CMG	39.00	TĂNG	TĂNG	38.90	37.08	0.26%		23.20	34.96	68.10%	
CTG	22.25	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	4.46%		22.00	19.85	1.14%	
CTR	49.80	TĂNG	N/A	46.50	47.38	7.10%		-	N/A		
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%	
DGC	27.20	TĂNG	GIẢM	27.20	26.59	0.00%	MUA		28.96		
DGW	25.95	TĂNG	TĂNG	24.60	25.26	5.49%		23.50	23.07	10.43%	
DHA	31.70	TĂNG	GIẢM	31.85	29.30	-0.47%			34.57		
DHC	37.60	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	13.94%		37.70	35.33	-0.27%	MUA
DHG	93.00	TĂNG	GIẢM	93.50	91.02	-0.53%			99.56		
DPG	47.50	TĂNG	GIẢM	46.60	43.73	1.93%			50.61		
DPR	37.35	TĂNG	GIẢM	37.60	36.46	-0.66%			40.40		
EIB	18.40	TĂNG	TĂNG	17.40	16.12	5.75%			17.85		
FPT	59.50	TĂNG	TĂNG	58.20	57.91	2.23%		46.00	52.88	29.35%	
GAS	106.10	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	1.53%			109.55		
GEX	20.95	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.56%		20.20	20.77	3.71%	
GMD	25.50	TĂNG	GIẢM	25.87	25.03	-1.44%		28.50	26.02	-8.70%	
GTN	21.35	TĂNG	TĂNG	20.00	20.76	6.75%		15.00	18.39	42.33%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%			N/A		
HCM	25.30	TĂNG	TĂNG	23.90	23.53	5.86%		23.40	21.08	8.12%	
HDB	29.15	TĂNG	TĂNG	26.30	28.52	10.84%		28.00	26.40	4.11%	
HPG	22.70	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	2.25%			23.82		
HSG	7.40	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	2.92%			7.42		
HT1	16.40	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	-0.91%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVN	36.20	TĂNG	GIẢM	36.50	34.99	-0.82%			36.93		
KDH	27.20	TĂNG	TĂNG	25.80	26.00	5.43%		24.00	23.87	13.33%	
LHG	15.60	TĂNG	GIẢM	15.60	15.44	0.00%	MUA		17.63		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	0.00%			8.13		
MBB	23.50	TĂNG	TĂNG	23.55	22.88	-0.21%		21.85	21.72	7.55%	
MSN	76.50	TĂNG	GIẢM	76.50	76.49	0.00%	MUA		81.47		
MWG	125.30	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.73%		88.70	114.74	41.26%	
NKG	6.30	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	7.88%			6.45		
NLG	28.50	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-0.35%		28.70	26.73	-0.70%	
NTL	22.95	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	0.22%			25.17		

We Create Fortune

PLX	58.90	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	-0.67%		61.98		
PNJ	85.20	TĂNG	TĂNG	81.90	82.76	4.03%	104.00	78.69	-18.08%	
POW	13.60	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	5.43%		13.98		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	16.82	0.00%	18.30	16.28	-5.46%	
PPC	25.90	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-1.15%		28.36		
PTB	74.90	TĂNG	TĂNG	69.70	72.77	7.46%	64.00	68.01	17.03%	
PVD	16.75	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-1.18%	18.10	15.96	-7.46%	
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.92%		36.38		
PVS	19.10	TĂNG	GIẢM	19.30	18.41	-1.04%		20.75		
PXS	5.90	TĂNG	TĂNG	4.76	5.12	23.95%		5.20		
QNS	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%	33.80	27.80	-14.20%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.60	TĂNG	TĂNG	24.30	23.92	1.23%		24.00	21.78	2.50%	
BID	41.60	TĂNG	TĂNG	40.80	39.57	1.96%		33.40	37.21	24.55%	
BSR	10.00	TĂNG	GIẢM	10.00	9.44	0.00%		10.51			
BVH	74.10	TĂNG	GIẢM	74.00	72.80	0.14%		76.84			
CTG	22.25	TĂNG	TĂNG	21.30	21.77	4.46%		22.00	19.85	1.14%	
FPT	59.50	TĂNG	TĂNG	58.20	57.91	2.23%		40.23	52.88	47.91%	
GAS	106.10	TĂNG	GIẢM	104.50	103.43	1.53%		109.55			
GEX	20.95	TĂNG	TĂNG	21.50	20.07	-2.56%		20.26	20.77	3.40%	
GVR	13.90	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-4.14%		N/A			
HDB	29.15	TĂNG	TĂNG	26.30	28.52	10.84%		28.00	26.40	4.11%	
HNG	14.90	GIẢM	GIẢM		15.26			16.99			
HPG	22.70	TĂNG	GIẢM	22.20	21.53	2.25%		23.82			
HVN	36.20	TĂNG	GIẢM	36.50	34.99	-0.82%		36.93			
KDH	27.20	TĂNG	TĂNG	25.80	26.00	5.43%		24.00	23.87	13.33%	
MBB	23.50	TĂNG	TĂNG	23.55	22.88	-0.21%		19.72	21.72	19.17%	
MSN	76.50	TĂNG	GIẢM	76.50	76.49	0.00%	MUA	81.47			
MWG	125.30	TĂNG	TĂNG	127.50	124.02	-1.73%		88.70	114.74	41.26%	
NVL	58.10	GIẢM	GIẢM		60.63			63.00	58.45	-7.23%	
OIL	10.30	GIẢM	GIẢM		10.65			12.16			
PLX	58.90	TĂNG	GIẢM	59.30	58.22	-0.67%		61.98			
PNJ	85.20	TĂNG	TĂNG	81.90	82.76	4.03%		77.07	78.69	10.55%	
POW	13.60	TĂNG	GIẢM	12.90	13.20	5.43%		13.98			

We Create Fortune

QNS	29.00	TĂNG	TĂNG	29.40	28.79	-1.36%		33.26	27.80	-12.80%	
REE	38.50	TĂNG	TĂNG	37.95	36.70	1.45%		33.33	35.23	15.53%	
ROS	25.00	GIẢM	GIẢM		25.94				28.27		
SBT	18.90	TĂNG	TĂNG	18.90	18.83	0.00%	MUA	17.50	17.08	8.00%	
SSI	22.05	TĂNG	GIẢM	21.75	21.12	1.38%			22.27		
STB	10.90	GIẢM	GIẢM		11.15				11.09		
TCB	24.80	TĂNG	TĂNG	22.65	24.03	9.49%		22.65	22.18	9.49%	
TPB	22.50	TĂNG	GIẢM	22.70	21.99	-0.88%			23.94		
VCB	91.30	TĂNG	TĂNG	80.00	88.27	14.13%		62.00	79.18	47.26%	
VCG	27.10	TĂNG	TĂNG	27.00	26.50	0.37%		18.44	24.59	46.95%	
VCS	89.10	GIẢM	GIẢM		91.11				102.93		
VEA	50.20	GIẢM	GIẢM		51.26				59.45		
VGI	31.80	TĂNG	N/A	33.60	31.33	-5.36%			N/A		
VHM	99.50	TĂNG	TĂNG	88.80	95.10	12.05%		89.13	81.06	11.64%	
VIB	18.10	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.56	20.63%	
VIC	120.80	TĂNG	TĂNG	119.60	118.76	1.00%		112.00	113.76	7.86%	
VJC	143.20	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.73%		124.50	134.37	15.02%	
VNM	129.10	GIẢM	TĂNG		133.93			130.10	124.25	-0.77%	
VPB	22.00	TĂNG	TĂNG	22.25	21.52	-1.12%		20.30	20.56	8.37%	
VRE	35.20	TĂNG	TĂNG	32.70	34.15	7.65%		35.05	34.98	0.43%	MUA

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.80	TĂNG	GIẢM	15.75	15.26	0.32%			16.59		
ANV	25.20	GIẢM	GIẢM		26.57				27.58		
ASM	6.59	GIẢM	TĂNG		6.83			7.61	6.38	-13.40%	
BMI	27.30	TĂNG	TĂNG	26.00	25.90	5.00%		26.70	23.99	2.25%	
BMP	53.40	TĂNG	TĂNG	51.80	52.57	3.09%		48.30	48.32	10.56%	
BWE	25.30	GIẢM	GIẢM		25.92			19.44	25.45	30.94%	BÁN
CEO	9.50	GIẢM	GIẢM		9.76				10.31		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.87			24.45	22.23	-1.84%	
CRE	24.60	GIẢM	GIẢM		25.03				25.94		
CTI	24.80	TĂNG	TĂNG	24.00	24.16	3.33%		25.05	22.66	-1.00%	
CTR	49.80	TĂNG	GIẢM	46.50	47.38	7.10%			53.42		
D2D	86.70	TĂNG	TĂNG	72.50	80.75	19.59%		83.10	69.72	4.33%	
DBD	56.60	TĂNG	TĂNG	55.10	54.14	2.72%		38.65	50.35	46.44%	

We Create Fortune

DCM	7.25	GIẢM	TĂNG		7.47			7.63	7.15	-5.01%	
DGW	25.95	TĂNG	TĂNG	24.12	25.26	7.60%		23.04	23.07	12.64%	
DHC	37.60	TĂNG	TĂNG	33.00	36.69	13.94%		37.70	35.33	-0.27%	MUA
DIG	13.75	GIẢM	TĂNG		13.99			13.90	13.14	-1.08%	
DPG	47.50	TĂNG	GIẢM	46.60	43.73	1.93%			50.61		
DPM	13.80	GIẢM	TĂNG		14.25			14.95	13.37	-7.69%	
DRC	22.90	GIẢM	TĂNG		23.87			21.60	21.72	6.02%	
DXG	16.20	GIẢM	TĂNG		16.24			15.50	14.86	4.52%	
E1VFN30	15.73	TĂNG	TĂNG	15.62	15.44	0.70%		15.26	14.82	3.08%	
FCN	11.95	GIẢM	GIẢM		12.53				13.36		
FLC	4.51	GIẢM	TĂNG		5.10			4.63	4.02	-2.59%	
GEG	27.70	TĂNG	TĂNG	28.10	27.26	-1.42%		12.50	24.99	121.56%	
GMD	25.50	TĂNG	GIẢM	25.87	25.03	-1.44%		26.91	26.02	-3.31%	
GTN	21.35	TĂNG	TĂNG	20.00	20.76	6.75%		15.00	18.39	42.33%	
HAG	4.15	GIẢM	GIẢM		4.34				4.83		
HBC	12.60	GIẢM	GIẢM		13.10				15.19		
HCM	25.30	TĂNG	TĂNG	23.90	23.53	5.86%		23.40	21.08	8.12%	
HDC	22.85	GIẢM	TĂNG		23.10			15.25	20.01	49.84%	
HDG	35.50	GIẢM	TĂNG		36.25			35.30	32.61	0.57%	
HPX	26.45	GIẢM	#N/A		26.96			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.40	TĂNG	GIẢM	7.19	6.90	2.92%			7.42		
HT1	16.40	TĂNG	GIẢM	16.55	16.10	-0.91%		16.90	16.70	-1.21%	MUA
HTM	14.40	GIẢM	GIẢM	16.80	14.68	-12.61%	BÁN		18.90		
IBC	20.85	TĂNG	GIẢM	20.60	20.45	1.21%			21.22		
IDI	5.46	GIẢM	TĂNG		5.59			7.53	5.22	-27.49%	
IJC	15.45	GIẢM	TĂNG		15.89			13.10	13.74	17.94%	
ITA	3.15	TĂNG	TĂNG	3.29	3.09	-4.26%		3.20	2.96	-1.56%	
KBC	14.50	GIẢM	TĂNG		14.82			14.85	13.91	-2.34%	
KDC	21.85	TĂNG	TĂNG	21.50	21.03	1.63%		21.90	18.93	-0.23%	
KOS	27.50	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	2.61%		26.30	25.07	4.56%	
KSB	18.30	GIẢM	GIẢM		19.37				23.17		
LDG	10.65	GIẢM	TĂNG		10.72			9.89	10.08	7.68%	
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.30	0.00%			8.13		
MBG	45.30	TĂNG	TĂNG	13.70	38.44	230.66%		5.10	32.27	788.24%	
MBS	14.40	GIẢM	GIẢM		15.00				16.09		
MPC	22.50	GIẢM	GIẢM		23.11				27.72		
NBB	21.30	TĂNG	GIẢM	20.85	20.44	2.16%			22.02		
NKG	6.30	TĂNG	GIẢM	5.84	5.93	7.88%			6.45		

We Create Fortune

NLG	28.50	TĂNG	TĂNG	28.60	27.93	-0.35%		26.28	26.73	8.44%	
NT2	23.00	GIẢM	GIẢM		23.55				24.95		
NTL	22.95	TĂNG	GIẢM	22.90	22.12	0.22%			25.17		
NVB	9.10	TĂNG	TĂNG	7.60	8.76	19.74%		8.50	7.74	7.06%	
OGC	3.92	GIẢM	GIẢM		4.13				4.28		
PC1	19.00	GIẢM	TĂNG		19.66			19.30	18.48	-1.55%	
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.42			23.59	25.01	10.62%	
PHR	58.10	GIẢM	GIẢM		60.53				65.37		
PPC	25.90	TĂNG	GIẢM	26.20	25.12	-1.15%			28.36		
PTB	74.90	TĂNG	TĂNG	69.70	72.77	7.46%		60.78	68.01	23.23%	
PVD	16.75	TĂNG	TĂNG	16.95	16.13	-1.18%		18.10	15.96	-7.46%	
PVI	31.90	TĂNG	GIẢM	33.20	31.12	-3.92%			36.38		
PVS	19.10	TĂNG	GIẢM	19.30	18.41	-1.04%			20.75		
PVT	17.30	TĂNG	TĂNG	17.30	16.82	0.00%		17.31	16.28	-0.03%	
QCG	4.55	TĂNG	GIẢM	4.76	4.53	-4.41%			5.27		
SCR	6.04	GIẢM	GIẢM		6.24				6.65		
SGP	8.40	GIẢM	GIẢM		9.11			12.30	8.95	-27.24%	BÁN
SHB	6.80	TĂNG	GIẢM	6.60	6.42	3.03%			6.86		
SHS	8.50	TĂNG	TĂNG	7.30	8.12	16.44%		8.40	7.19	1.19%	
SZC	17.60	TĂNG	#N/A	18.30	17.33	-3.83%			#N/A		
TCH	23.75	TĂNG	GIẢM	23.30	22.70	1.93%			25.82		
TCM	21.70	GIẢM	GIẢM		22.60				25.14		
TDH	10.15	GIẢM	GIẢM		10.47				11.77		
TNG	15.50	GIẢM	GIẢM		16.42				19.09		
TTB	19.00	GIẢM	GIẢM		20.32				23.98		
VGC	18.75	GIẢM	GIẢM	20.00	18.77	-6.14%	BÁN		20.53		
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.84				9.78		
VHC	79.70	TĂNG	GIẢM	81.30	79.15	-1.97%			87.01		
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.02	0.00%	MUA		14.93		
VNG	22.35	TĂNG	TĂNG	19.10	22.14	17.02%		20.20	20.93	10.64%	
VPI	41.30	TĂNG	TĂNG	42.20	41.02	-2.13%		41.30	39.68	0.00%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.10	GIẢM	GIẢM		9.33				10.38		
AGR	4.13	GIẢM	GIẢM		4.33				4.85		

We Create Fortune

AMD	1.58	GIẢM	GIẢM	1.49	1.60	7.35%	BÁN		1.67		
APG	9.50	TĂNG	TĂNG	8.76	8.57	8.45%		9.90	7.90	-4.04%	
ART	2.10	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	5.00%			2.25		
BCG	7.90	TĂNG	TĂNG	8.60	7.78	-8.14%		6.39	7.30	23.63%	
C4G	6.30	TĂNG	GIẢM	6.90	6.22	-8.70%			7.72		
C69	13.60	GIẢM	GIẢM		15.82				26.16		
CCL	6.90	GIẢM	GIẢM		7.50				8.70		
CVT	23.10	TĂNG	TĂNG	21.25	22.63	8.71%		20.35	20.61	13.51%	
DAH	9.95	TĂNG	GIẢM	10.60	9.94	-6.13%			11.48		
DLG	1.55	GIẢM	GIẢM		1.70				1.65		
DRH	4.81	GIẢM	GIẢM		5.39				7.54		
DTD	12.80	GIẢM	GIẢM		13.50				17.28		
EVG	2.74	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-1.44%			2.90		
FIT	4.06	GIẢM	TĂNG		4.48			3.64	3.79	11.54%	
FTM	3.40	TĂNG	GIẢM	3.93	3.28	-13.49%			6.96		
FUES SV50	13.65	TĂNG	TĂNG	13.30	13.51	2.63%		12.85	12.78	6.23%	
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	-0.67%			15.54		
HAH	12.90	GIẢM	GIẢM		13.73			13.00	13.89	6.82%	BÁN
HAI	1.85	TĂNG	TĂNG	1.69	1.76	9.47%		1.88	1.80	-1.60%	MUA
HAR	3.60	GIẢM	GIẢM		3.64				3.88		
HDA	10.70	GIẢM	GIẢM		11.09				12.07		
HHP	12.00	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-1.64%			13.51		
HHS	2.98	GIẢM	TĂNG		3.21			3.36	2.94	-11.31%	
HID	2.46	TĂNG	TĂNG	2.10	2.37	17.14%		2.63	2.14	-6.46%	
HII	11.45	GIẢM	GIẢM		11.72				12.29		
HQC	1.07	GIẢM	GIẢM		1.15				1.25		
HSL	7.70	GIẢM	GIẢM		8.08				9.29		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	0.00%			2.71		
HVG	5.95	TĂNG	TĂNG	3.02	5.02	97.02%		3.90	2.45	52.56%	
HVH	18.30	TĂNG	GIẢM	18.60	18.14	-1.61%			21.39		
IDJ	7.00	GIẢM	TĂNG		7.77			7.20	5.42	-2.78%	
JVC	4.15	GIẢM	TĂNG		4.44			3.10	4.11	33.87%	BÁN
KLF	1.30	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-7.14%			1.48		
LCG	8.43	GIẢM	GIẢM		8.50				9.43		
LGL	9.29	GIẢM	GIẢM		9.45			7.11	9.49	33.44%	
LHG	15.60	TĂNG	GIẢM	15.60	15.44	0.00%	MUA		17.63		
LMH	12.80	GIẢM	#N/A		13.27				#N/A		
MST	3.80	TĂNG	TĂNG	3.80	3.66	0.00%	MUA	3.40	2.97	11.76%	



We Create Fortune

NDN	16.70	GIẢM	TĂNG		17.05			13.10	16.27	27.44%	
PHC	11.90	GIẢM	TĂNG	11.43	11.92	4.34%	BÁN	14.20	11.21	-16.20%	
PLP	10.15	GIẢM	GIẢM		10.90			10.95	10.55	-3.65%	BÁN
PVB	19.10	GIẢM	TĂNG		19.93			19.42	18.62	-1.63%	
PVC	7.60	TĂNG	TĂNG	6.89	7.20	10.33%		6.70	6.30	13.43%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.40				1.50		
PXL	6.30	TĂNG	GIẢM	5.50	5.75	14.55%			6.41		
SHI	9.05	GIẢM	TĂNG		9.42			5.77	8.30	56.98%	
SJF	2.20	GIẢM	GIẢM		2.31				3.02		
SPP	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				3.23		
TDC	8.58	GIẢM	TĂNG		8.96			7.05	8.48	21.63%	
TIG	5.00	TĂNG	TĂNG	3.40	4.32	47.06%		3.20	3.64	56.25%	
TLH	3.98	TĂNG	GIẢM	4.06	3.65	-1.97%			4.75		
TNA	19.05	TĂNG	TĂNG	13.70	17.37	39.05%		11.45	14.40	66.36%	
TNI	10.00	GIẢM	GIẢM		10.16				10.89		
TSC	3.40	TĂNG	TĂNG	1.88	3.01	80.85%		1.58	2.31	115.19%	
TTF	2.78	GIẢM	GIẢM		2.99				3.22		
TTH	2.80	GIẢM	GIẢM		2.87				3.27		
TVC	15.40	GIẢM	TĂNG		16.13			14.30	14.38	7.69%	
VC3	25.50	TĂNG	TĂNG	25.50	24.73	0.00%	MUA	22.00	23.05	15.91%	
VCR	16.10	GIẢM	GIẢM		19.01				23.69		
VNA	4.20	GIẢM	TĂNG		4.87			4.70	3.92	-10.64%	
VNE	3.40	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	17.40	TĂNG	TĂNG	16.05	16.64	8.41%			16.26		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1024.03	-0.09%
VN30	944.25	0.20%
VN Mid	975.09	-0.12%
VN Small	789.48	-0.02%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.88	0.12%
HN30	189.85	0.41%
VNX AllSh	905.5	0.05%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.83	0.41%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	645.55	
Bán	512.13	
GT rỗng	133.42	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	11.90	
Bán	26.03	
GT rỗng	-14.13	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	38.14	
Bán	42.91	
GT rỗng	-4.76	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVG	380	6.82%
EIB	1000	5.75%
TDM	1150	4.45%
HPG	700	3.18%
DPG	1300	2.81%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBG	3300	7.86%
VC3	1300	5.37%
DGC	1300	5.02%
VIX	200	3.51%
CEO	300	3.26%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCP	6600	14.83%
VEA	1100	2.24%
VIB	200	1.12%
MPC	200	0.90%
NHH	100	0.22%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FRT	-1200	-2.93%
KSB	-500	-2.66%
HHS	-80	-2.61%
FLC	-120	-2.59%
ANV	-600	-2.33%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DHT	-3000	-5.16%
TAR	-1000	-2.94%
BVS	-300	-2.80%
VCS	-1400	-1.55%
TVC	-200	-1.28%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
C4G	-200	-3.08%
ACV	-2000	-2.50%
HTM	-300	-2.04%
CTR	-800	-1.58%
SIP	-1600	-1.52%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	407,870	
VCB	337,508	
VHM	332,942	
VNM	226,553	
GAS	202,496	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	40,750	
VCS	14,480	
VCG	12,059	
PVS	9,129	
SHB	8,061	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	174,014	
VGI	97,125	
VEA	65,179	
GVR	56,368	
MCH	51,820	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	27,671,070	26,403,624
HPG	14,467,350	5,326,907
FLC	12,364,730	15,540,779
SBT	12,305,640	2,841,937
MBB	7,014,090	4,772,043

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ACB	2,135,499	5,088,946
SHB	1,771,118	3,171,819
PVS	1,748,390	1,845,871
CEO	1,560,328	841,432
DST	1,156,100	210,356

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VCP	4,254,857	458,405
BSR	1,579,027	2,075,316
VIB	1,561,682	1,012,680
NHH	1,140,500	172,964
C4G	563,890	341,164

Nguồn: Bloomberg & YSVN

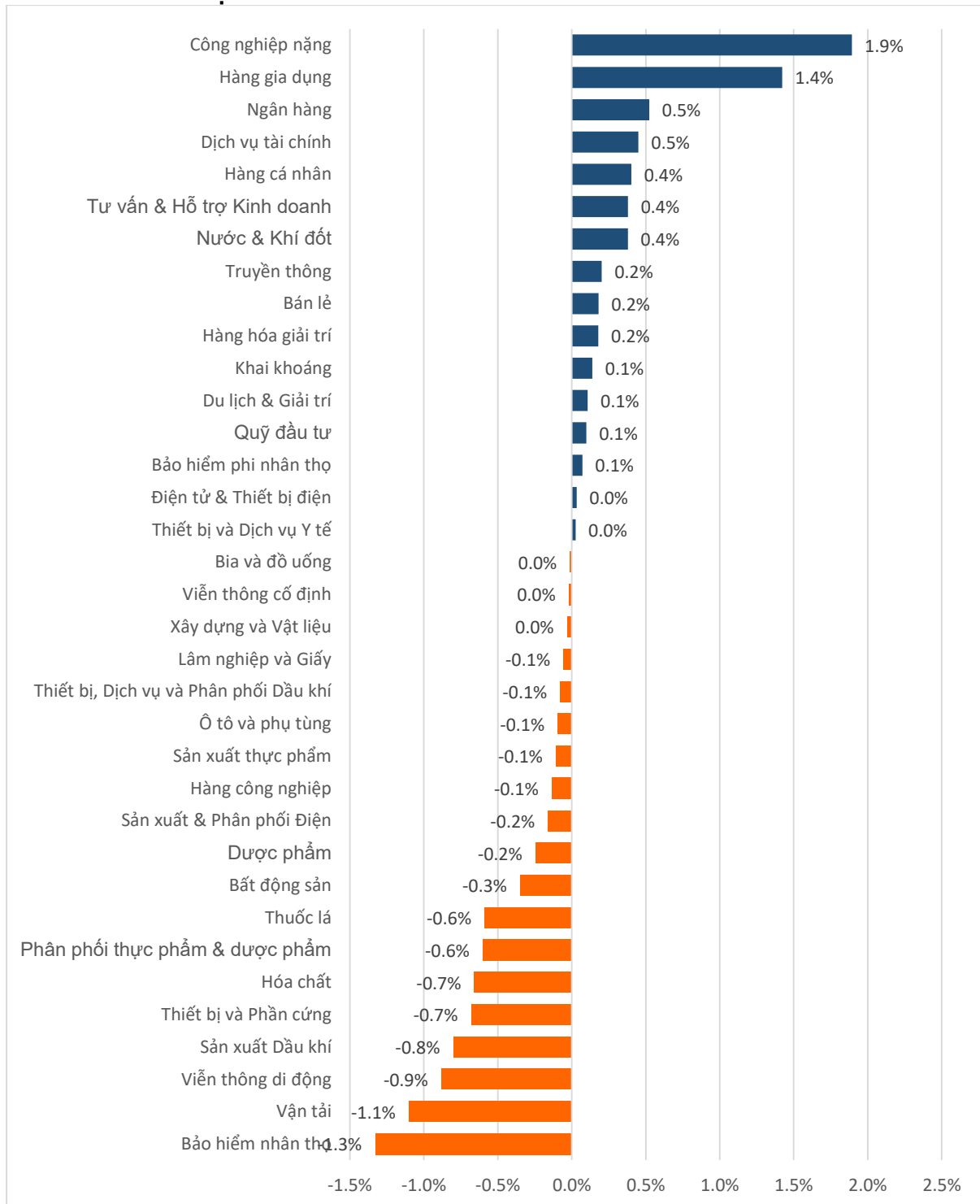
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



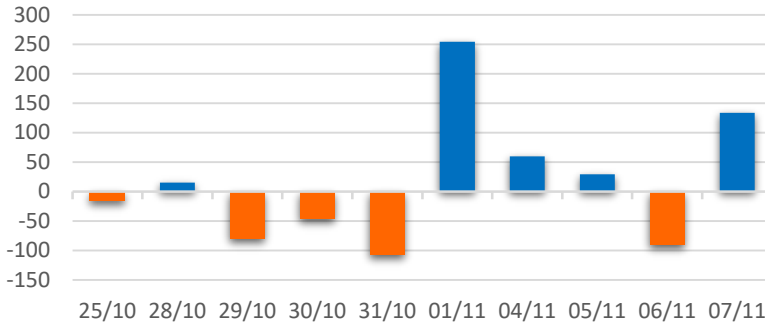
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

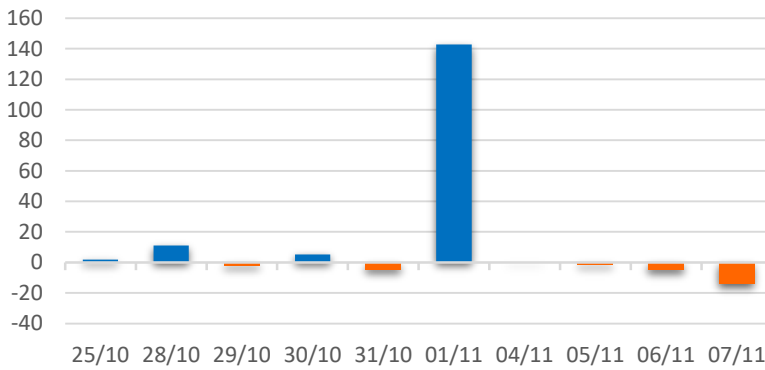
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	62,978	VNM	63,803
VHM	62,564	NVL	7,824
HPG	45,736	VJC	7,340
ROS	24,908	ANV	6,725
HCM	9,878	VCI	6,131

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

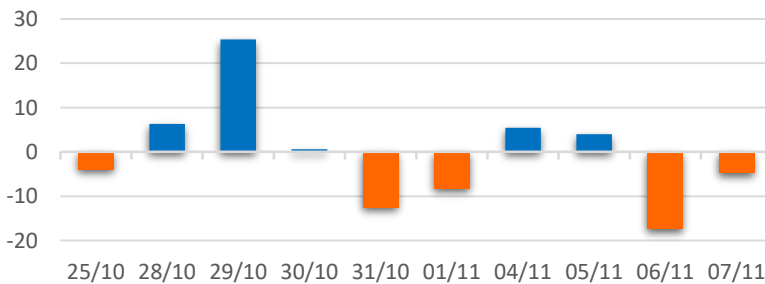
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	5,600	PVS	5,875
BAX	463	NDN	4,317
IDJ	258	CEO	3,989
IDV	128	PTI	2,335
LAS	84	VIX	1,626

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	5,536	ACV	10,771
MCH	2,443	VLC	925
MPC	508	IDC	372
VGI	247	BSR	316
VEA	180	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



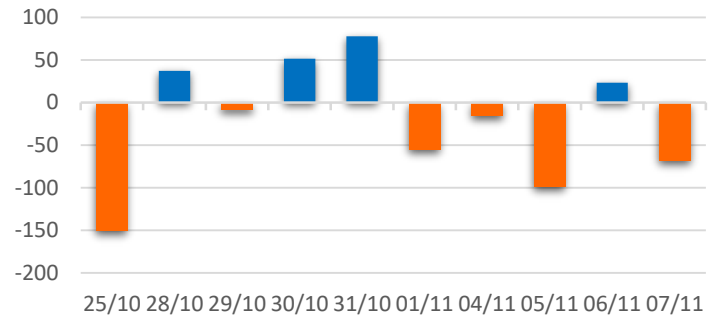
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

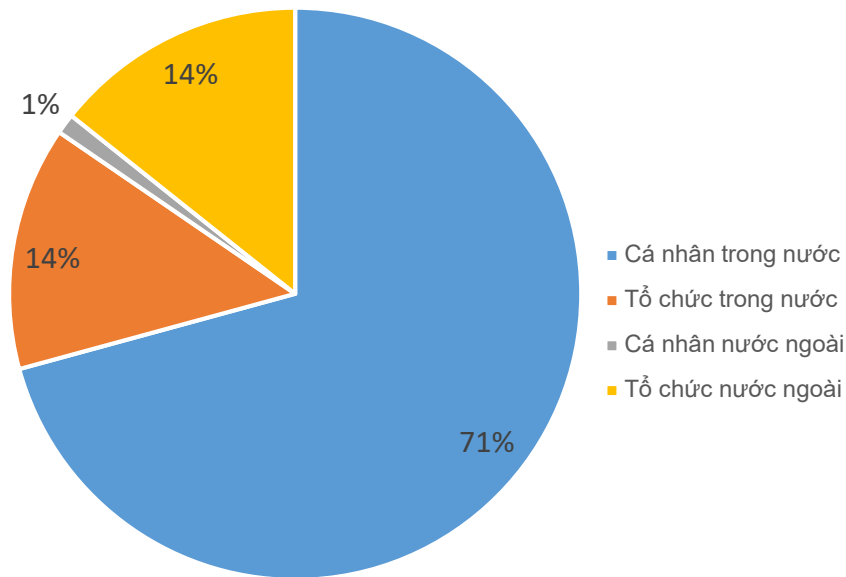
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	19,367	GMD	39,234
HPG	8,959	HPG	18,203
BMI	4,566	VNM	14,686
KDH	2,691	MBB	11,754
FPT	2,669	VRE	10,082

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

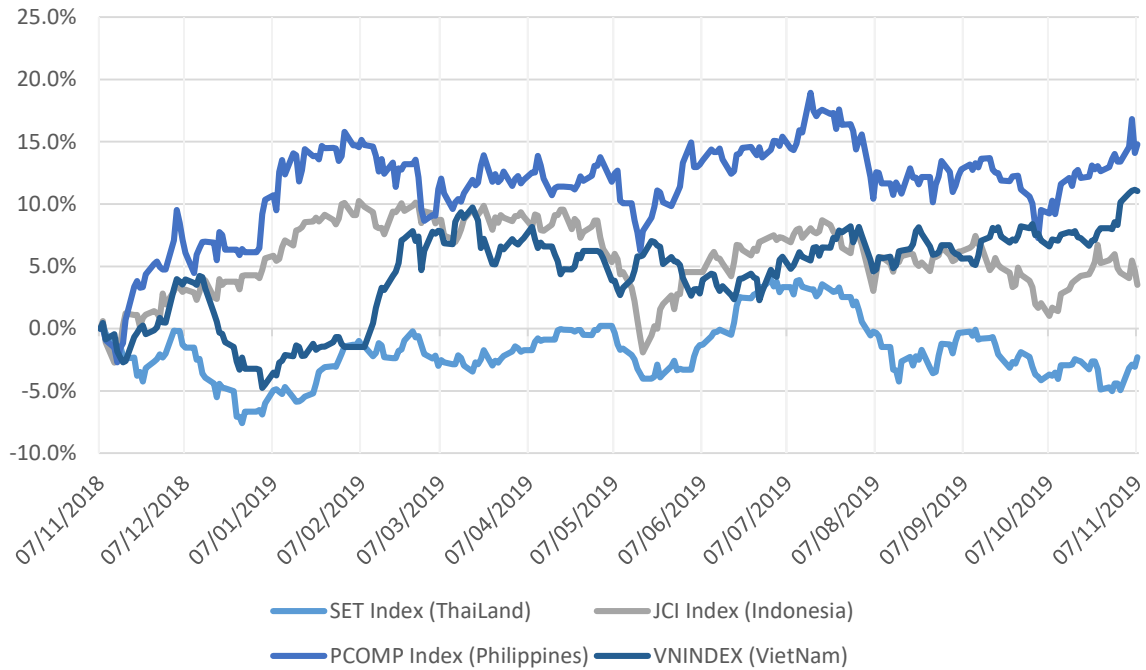


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

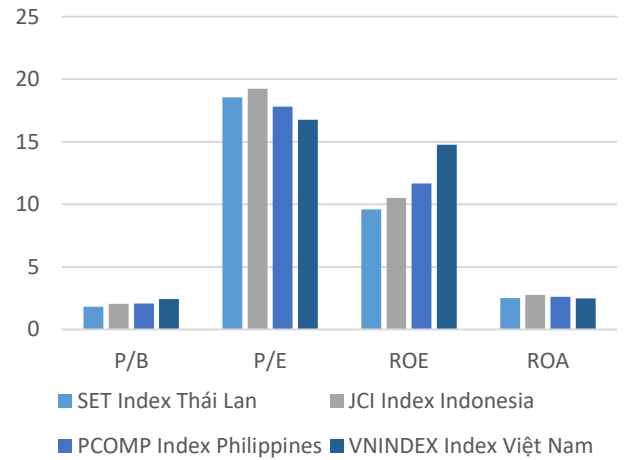
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.1x	2.4x
P/E		18.4x	19.6x	17.7x	16.8x
ROE	%	9.59	10.24	11.65	14.74
ROA	%	2.51	2.69	2.62	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	562.30	515.51	202.72	149.43
GTGD	Triệu USD	1.64	0.53	0.15	0.16
LS cổ tức	%	3.07	2.45	1.57	1.82

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written